

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Lê Sỹ Quyền

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thanh Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2020 về: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX - ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L - sinh năm 1993. ( Có mặt ).

Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Ích T - sinh năm 1991. ( Vắng mặt ).

Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2020, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Ích T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa T, hạnh phúc được 05 năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc, ham chơi và không quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ích T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Như Y - sinh ngày 22/5/2017. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Lê Trần Như Y và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản tự khai ngày 24/02/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Ích T trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Lê Ích T thừa nhận như chị Trần Thị L trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thỉnh thoảng bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh cũng hay rượu chè, cờ bạc nhưng theo anh thì không phải là anh không thương yêu vợ con. Vợ chồng hiện nay không ở cùng nhau từ tháng 02 năm 2020. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh Lê Ích T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Như Y - sinh ngày 22/5/2017.

Nguyên vọng của anh T, nếu chị L cứ quyết ly hôn thì anh cũng không tranh chấp về con, nếu vợ chồng không ở được với nhau mà phải ly hôn, anh cũng đồng ý để chị Trần Thị L được nuôi con, nhưng chị L phải không được đi làm ăn xa và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng).

- Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nếu chị được nuôi con chị đồng ý để anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000đ ( Hai triệu đồng) một tháng.

\* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản

1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Ích T. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Trần Như Y và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Như Y thành niên . Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Lê Ích T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lê Ích T và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Lê Ích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Ích T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Ích T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/8/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, bản thân anh T cũng hay rượu chè, cờ bạc dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T không thể hàn gắn được nữa. Chị L xin ly hôn, anh T không đồng ý, nhưng anh cũng không tìm ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Vì vậy xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Ích T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Như Y - sinh ngày 22/5/2017.

Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Trần Như Y và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng có nguyện vọng nếu buộc phải ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi con nhưng chị L phải ở nhà, không được đi làm xa và

anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng tại phiên tòa chị có nguyện vọng, nếu chị được nuôi con và anh T cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý. HĐXX thấy rằng cháu Như Y là con gái, đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc và gần gũi của người mẹ hơn. Vì vậy thấy cần giao cháu Lê Trần Như Y cho chị L nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Ích T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị L.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Ích T.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị L và anh Lê Ích T có 01 con chung là Lê Trần Như Y - sinh ngày 22/5/2017

Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Trần Như Y. Anh Lê Ích T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ ( Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi.

Anh Lê Ích T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

- **Về tài sản, công nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Anh Lê Ích T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001996 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Trần Thị L, vắng mặt anh Lê Ích T. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã N, huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**  
( Đã ký )

**Đào Thị Thu Thủy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thu Thủy**







